

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

18
CÔNG
TY
&
T
H
HÀ
T
IỂM

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	
Ông Bùi Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2018
Ông Dương Hữu Hiệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
	Giám đốc Kỹ thuật	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Sửa chữa	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc Sản xuất Động cơ Điện	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Ngô Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là Ông Nguyễn Trọng Tiểu và từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 61441291/20416493/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 22 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		445.471.214.323	399.591.303.995
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	41.951.375.039	57.352.948.855
111	1. Tiền		18.251.375.039	11.952.948.855
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.700.000.000	45.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		18.443.756.354	72.339.670.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	15.000.000.000	39.839.670.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	3.443.756.354	32.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		273.985.416.962	119.199.820.895
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	403.055.592.979	117.034.921.792
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	4.842.780.608	1.352.659.645
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.196.224.840	1.403.177.295
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(144.109.181.465)	(590.937.837)
140	IV. Hàng tồn kho	10	109.778.655.127	150.417.917.401
141	1. Hàng tồn kho		109.840.744.616	152.296.951.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(62.089.489)	(1.879.034.009)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.312.010.841	280.946.844
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		400.728.962	269.678.776
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		911.281.879	11.268.068
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		429.194.536.348	438.535.536.793
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.740.871.000	75.339.914.100
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	6.740.871.000	75.339.914.100
220	II. Tài sản cố định		120.141.172.817	99.329.381.091
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	119.311.611.310	98.364.968.365
222	Nguyên giá		295.709.965.578	203.021.866.892
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(176.398.354.268)	(104.656.898.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	829.561.507	964.412.726
228	Nguyên giá		3.052.367.251	1.286.081.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.222.805.744)	(321.668.385)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		2.374.201.599	-
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.374.201.599)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		371.324.341	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		371.324.341	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	275.922.449.576	259.009.962.100
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		275.922.449.576	259.009.962.100
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.018.718.614	4.856.279.502
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.577.705.413	4.856.279.502
269	2. Lợi thế thương mại	15	21.441.013.201	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		874.665.750.671	838.126.840.788

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		230.110.573.405	265.948.727.013
310	I. Nợ ngắn hạn		223.727.445.591	258.205.248.769
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	71.801.393.150	55.466.532.922
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	3.225.473.439	4.091.121.768
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.825.927.010	6.990.853.371
314	4. Phải trả người lao động		10.330.190.088	14.293.063.994
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.384.953.087	868.964.205
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.200.781.851	1.260.275.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.268.747.756	3.431.191.102
320	8. Vay ngắn hạn	19	118.335.347.341	153.460.748.234
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	916.160.914	10.668.139.193
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	4.438.470.955	7.674.358.780
330	II. Nợ dài hạn		6.383.127.814	7.743.478.244
337	1. Phải trả dài hạn khác		50.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	6.333.127.814	6.122.073.434
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.621.404.810
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		644.555.177.266	572.178.113.775
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	637.996.352.236	565.076.645.089
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	7.926.026.801
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.508.916.616	-
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		215.740.665.857	181.551.913.159
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		124.217.207.765	105.055.327.106
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		91.523.458.092	76.496.586.053
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		43.257.559.617	9.035.521.784
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		6.558.825.030	7.101.468.686
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		6.558.825.030	7.153.491.686
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		874.665.750.671	838.126.840.788


Người lập
Ngô Văn Hải


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên




Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	544.175.954.452	542.734.192.912
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(1.335.802.143)	(683.931.458)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	542.840.152.309	542.050.261.454
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(429.890.697.120)	(445.416.459.196)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.949.455.189	96.633.802.258
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	43.563.449.954	51.419.363.405
22	7. Chi phí tài chính	26	(23.492.031.982)	(6.211.909.566)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.722.304.234)	(5.556.082.505)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	16.826.808.922	1.252.776.385
25	9. Chi phí bán hàng	27	(10.518.600.153)	(15.952.432.851)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(40.460.608.898)	(36.408.544.275)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.868.473.032	90.733.055.356
31	12. Thu nhập khác	28	3.575.427.263	1.394.978.104
32	13. Chi phí khác	28	(381.070.034)	(2.718.223.599)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	28	3.194.357.229	(1.323.245.495)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		102.062.830.261	89.409.809.861
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(7.926.634.252)	(9.081.595.014)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		94.136.196.009	80.328.214.847
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		91.523.458.092	80.409.402.662
62	19. Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát		2.612.737.917	(81.187.815)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.498	2.128
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	2.498	2.128


Người lập
Ngô Văn Hải


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên




Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		102.062.830.261	89.409.809.861
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		12.545.121.766	10.035.828.830
03	Các khoản dự phòng		(8.999.154.412)	(2.088.490.290)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49.435.353	3.341.647
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(59.208.166.030)	(52.710.828.364)
06	Chi phí lãi vay	26	8.722.304.234	5.556.082.505
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.172.371.172	50.205.744.189
09	Tăng các khoản phải thu		(44.035.888.183)	(81.019.022.818)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		101.290.158.694	(31.672.568.469)
11	Giảm các khoản phải trả		(3.465.117.241)	(2.252.649.048)
12	Giảm chi phí trả trước		147.523.903	82.391.989
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		39.839.670.000	(39.839.670.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.380.585.249)	(5.542.186.221)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.946.909.164)	(5.115.673.196)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.862.725.285	9.050.087.949
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.367.335.564)	(7.831.092.581)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		125.116.613.653	(113.934.638.206)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.101.257.748)	(16.334.613.794)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.075.745.455	297.782.548
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(29.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.500.000.000	28.300.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(98.897.339.924)	(7.749.360.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.974.437.525	51.474.329.917
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(30.448.414.692)	26.488.138.671

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		425.339.443.068	409.466.220.795
34	Tiền trả nợ gốc vay		(481.266.885.330)	(302.554.251.996)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.142.952.775)	(74.406.597.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(110.070.395.037)	32.505.371.199
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(15.402.196.077)	(54.941.128.336)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		57.352.948.855	112.293.999.848
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		622.260	77.343
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	41.951.375.038	57.352.948.855


Người lập
Ngô Văn Hải


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yến




Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 550 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 410 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("Công ty Heco")	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ("Trường Hitech")	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
3	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("Công ty Vihem")	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	24 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	11 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2001, có thời hạn 47 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty theo quy chế tài chính của Nhóm Công ty và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty chủ yếu là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua thêm sở hữu trong Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội

Trong tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 48,65% cổ phần của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội từ các cổ đông cá nhân với tổng giá phí là 9 tỷ VND để nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này lên 100%.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng đây là giao dịch mua thêm cổ phần của một công ty con hiện hữu. Do đó, chênh lệch giữa giá mua và tài sản thuần được mua thêm, là 63.469.606 VND, được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

4.2 Mua Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (“Vihem”)

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2018, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại 7.190.700 cổ phần, tương ứng với 65,37% vốn điều lệ của Công ty Vihem từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ cấp I của Công ty với tổng giá phí là 94,3 tỷ VND. Công ty Vihem trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Công ty mua Công ty Vihem theo phương án tái cấu trúc của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ cấp I. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HEM về việc sát nhập Công ty Vihem vào Công ty. Theo đó, Công ty sẽ được kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các tài sản và nợ của Công ty Vihem. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành sáp nhập.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Theo đó, giá trị tài sản thuần của Công ty Vihem được hợp nhất theo giá trị ghi sổ của công ty này tại ngày mua trên báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ cấp I của Công ty, bao gồm phần lợi thế thương mại phát sinh khi Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam mua Công ty Vihem. Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của Công ty Vihem được ghi nhận vào chỉ tiêu quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	4.442.127.331
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.443.756.354
Các khoản phải thu ngắn hạn	44.937.626.586
Hàng tồn kho	58.833.951.900
Tài sản ngắn hạn khác	911.281.879
Tài sản cố định	25.582.503.375
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 15)	22.071.631.237
Tài sản dài hạn khác	2.497.002.895
	177.719.881.557
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	12.021.926.229
Vay và nợ	20.802.041.369
Phải trả khác	5.374.760.566
	38.198.728.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 *Mua Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari ("Vihem") (tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua

Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ [a]	139.521.153.393
Cổ đông không kiểm soát [b]	(40.672.769.523)
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu (<i>Thuyết minh số 22</i>) [c]	(4.508.916.616)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b + d]	94.339.467.254
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	4.442.127.331
Tiền chi để mua công ty con	(94.339.467.255)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	(89.897.339.924)

Kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2018 (ngày mua), Công ty Vihem đã đóng góp 7.516.847.880 VND vào lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty Vihem từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 17 tháng 10 năm 2018 tương ứng là 140.383.631.862 VND và 14.646.750.121 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	330.268.403	127.217.113
Tiền gửi ngân hàng	17.921.106.636	11.825.731.742
Các khoản tương đương tiền (*)	23.700.000.000	45.400.000.000
TỔNG CỘNG	41.951.375.039	57.352.948.855

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 5,3 đến 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 *Chứng khoán kinh doanh*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Trái phiếu (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu	-	-	-	39.839.670.000	41.310.000.000	-
TỔNG CỘNG	15.000.000.000	15.000.000.000	-	39.839.670.000	41.310.000.000	-

(i) Trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, có kỳ hạn 2 năm, đáo hạn ngày 21 tháng 2 năm 2019, lãi suất 9,5%/năm, thanh toán 6 tháng 1 lần và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.443.756.354	3.443.756.354	32.500.000.000	32.500.000.000
TỔNG CỘNG	3.443.756.354	3.443.756.354	32.500.000.000	32.500.000.000

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hưởng lãi suất 6,5%/năm và đáo hạn ngày 28 tháng 9 năm 2019. Khoản tiền gửi này được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam như trình bày trong Thuyết minh số 19.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	306.357.126.157	44.033.149.033
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	96.698.466.822	73.001.772.759
TỔNG CỘNG	403.055.592.979	117.034.921.792
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(141.082.067.141)	(590.937.837)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.005.884.000	1.383.090.500
- Công ty Điện lực Nam Định	1.005.884.000	829.854.300
- Công ty Điện lực Sơn La	952.952.000	149.749.600
- Công ty Điện lực Nghệ An	-	2.412.792.800
- Công ty Điện lực Hưng Yên	-	11.493.682.200
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	-	10.712.897.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.641.978.000	43.528.686.900
TỔNG CỘNG	6.740.871.000	75.339.914.100

Một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ABB	2.122.352.100	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện Lực Hà Nội	1.532.127.388	-
Khác	1.188.301.120	1.352.659.645
TỔNG CỘNG	4.842.780.608	1.352.659.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Xí nghiệp Tư nhân đức Hải Đăng	3.027.114.324	3.027.114.324	-	-
Tạm ứng cổ tức	2.656.355.000	-	-	-
Phải thu tiền thuê đất chi hộ	1.012.033.125	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	610.704.931	-	853.497.844	-
Phải thu khác	1.461.017.460	-	549.679.451	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.429.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	10.196.224.840	3.027.114.324	1.403.177.295	-

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	-	-
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	-	-
Các khoản khác	8.982.147.078	1.015.954.683	2.323.782.587	1.732.844.750
TỔNG CỘNG	145.125.136.148	1.015.954.683	2.323.782.587	1.732.844.750

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.586.806.438	(62.089.489)	69.059.724.370	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	838.602.877	-	635.214.674	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.691.704.183	-	12.437.159.282	-
Thành phẩm	35.295.811.648	-	69.368.824.495	(1.816.944.520)
Hàng hoá	4.427.819.470	-	796.028.589	-
TỔNG CỘNG	109.840.744.616	(62.089.489)	152.296.951.410	(1.879.034.009)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.879.034.009)	(723.740.777)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	(1.155.293.232)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	1.816.944.520	-
Số cuối năm	(62.089.489)	(1.879.034.009)

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	71.652.084.608	108.456.109.329	21.333.682.279	1.579.990.676	203.021.866.892
- Mua trong năm	-	5.219.064.915	979.106.636	-	6.198.171.551
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.386.778.502	-	-	-	1.386.778.502
- Tăng do mua công ty con	22.808.933.784	56.071.744.563	8.347.909.280	762.361.959	87.990.949.586
- Thanh lý, nhượng bán	(367.844.654)	(1.887.119.731)	(632.836.568)	-	(2.887.800.953)
Số cuối năm	95.479.952.240	167.859.799.076	30.027.861.627	2.342.352.635	295.709.965.578
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	22.557.448.500	59.312.153.414	15.747.630.858	2.077.378.351	99.694.611.123
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	33.650.202.486	55.057.560.891	14.620.918.760	1.328.216.390	104.656.898.527
- Khấu hao trong năm	2.630.310.330	7.848.964.368	1.552.225.776	-	12.031.500.474
- Tăng do mua công ty con	18.691.804.751	35.680.982.953	7.273.296.548	762.361.959	62.408.446.211
- Thanh lý, nhượng bán	(307.763.351)	(1.887.119.731)	(503.607.862)	-	(2.698.490.944)
Số cuối năm	54.664.554.216	96.700.388.481	22.942.833.222	2.090.578.349	176.398.354.268
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	38.001.882.122	53.398.548.438	6.712.763.519	251.774.286	98.364.968.365
Số cuối năm	40.815.398.024	71.159.410.595	7.085.028.405	251.774.286	119.311.611.310

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

(*) Nhóm Công ty đã cho Công ty Thibidi, một công ty cùng Tập đoàn thuê một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất máy biến áp và phương tiện vận tải, truyền dẫn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
- Mua trong năm	-	79.100.000	79.100.000
- Tặng do mua công ty con	1.248.664.818	438.521.322	1.687.186.140
Số cuối năm	2.290.264.818	762.102.433	3.052.367.251
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.323.664.818	517.621.322	1.841.286.140
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	236.100.000	85.568.385	321.668.385
- Hao mòn trong năm	161.100.000	52.851.219	213.951.219
- Tặng do mua công ty con	1.248.664.818	438.521.322	1.687.186.140
Số cuối năm	1.645.864.818	576.940.926	2.222.805.744
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	805.500.000	158.912.726	964.412.726
Số cuối năm	644.400.000	185.161.507	829.561.507

31/12/2018
CỔ
T
ST
TỔ
H
H
KIẾ

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	275.922.449.576	-	275.922.449.576	259.009.962.100	-	259.009.962.100	
TỔNG CỘNG	275.922.449.576	-	275.922.449.576	259.009.962.100	-	259.009.962.100	

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD (i)	35,00	35,00	35,00	35,00

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

- (i) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari 1	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari 2	Đơn vị tính: VND
Giá trị đầu tư:				
Số đầu năm	179.842.195.109	-	-	179.842.195.109
Tăng giá trị đầu tư	-	1.099.293.542	1.026.385.012	2.125.678.554
Giảm giá trị đầu tư	-	(1.099.293.542)	(1.026.385.012)	(2.125.678.554)
Số cuối năm	179.842.195.109	-	-	179.842.195.109
Phần lũy kế lợi nhuận:				
Số đầu năm	79.167.766.991	-	-	79.167.766.991
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết Cổ tức được chia	57.911.734.459 (40.410.874.000)	-	-	57.911.734.459 (40.410.874.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(588.372.983)	-	-	(588.372.983)
Số cuối năm	96.080.254.467	-	-	96.080.254.467
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	259.009.962.100	-	-	259.009.962.100
Số cuối năm	275.922.449.576	-	-	275.922.449.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	2.041.110.244	2.129.107.636
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.507.590.815	1.422.409.472
Chi phí sửa chữa	1.029.004.354	1.304.762.394
TỔNG CỘNG	4.577.705.413	4.856.279.502

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND	
	Công ty Vihem	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		-
- Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)		22.071.631.237
Số cuối năm		22.071.631.237
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		-
- Phân bổ trong năm		(630.618.036)
Số cuối năm		(630.618.036)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		21.441.013.201

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	49.704.372.694	49.704.372.694	48.886.867.522	48.886.867.522
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	22.614.618.180	22.614.618.180	153.422.500	153.422.500
- Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Việt Nam	6.679.557.500	6.679.557.500	211.200.000	211.200.000
- Công ty TNHH Shaanxi JC Engineering and Trading	4.114.137.692	4.114.137.692	51.165.000	51.165.000
- Phải trả đối tượng khác	16.296.059.322	16.296.059.322	48.471.080.022	48.471.080.022
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	22.097.020.456	22.097.020.456	6.579.665.400	6.579.665.400
TỔNG CỘNG	71.801.393.150	71.801.393.150	55.466.532.922	55.466.532.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.225.473.439	4.091.121.768
Công ty Cổ phần TOMECO An Khang	1.500.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.322.756.908
Công ty TNHH Duyên Hà	-	753.500.000
Các đối tượng khác	1.725.473.439	2.014.864.860
TỔNG CỘNG	3.225.473.439	4.091.121.768

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Tăng do mua công ty con</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	924.459.155	26.757.319.445	838.649.854	(25.725.754.564)	2.794.673.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.937.220.946	7.926.634.252	-	(9.946.909.164)	3.916.946.034
Thuế thu nhập cá nhân	129.173.270	2.607.750.184	-	(2.622.616.368)	114.307.086
Thuế đất	-	5.634.417.977	-	(5.634.417.977)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	559.151.764	-	(559.151.764)	-
TỔNG CỘNG	6.990.853.371	43.485.273.622	838.649.854	(44.488.849.837)	6.825.927.010

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án	2.041.203.100	-
Tiền thưởng nhân viên phải trả	-	3.053.850.011
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.227.544.656	377.341.091
TỔNG CỘNG	3.268.747.756	3.431.191.102

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do mua công ty con	Giảm	Giá trị	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	18.1	140.947.665.234	274.079.336.625	11.153.709.294	(322.135.900.812)	104.044.810.341	104.044.810.341
Vay từ đối tượng khác	18.2	12.513.083.000	151.260.106.443	9.648.332.075	(159.130.984.518)	14.290.537.000	14.290.537.000
TỔNG CỘNG		153.460.748.234	425.339.443.068	20.802.041.369	(481.266.885.330)	118.335.347.341	118.335.347.341

19.1 Các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	74.648.373.946	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 5 năm 2019	5,2% - 6,5%	Một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	11.297.896.317	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2019	5,1% - 6,85%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình	8.772.658.964	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2019	3,9% - 6,6%	Các khoản phải thu phát sinh từ việc bán hàng hóa được mua và thanh toán bằng nguồn vốn vay này
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	3.925.881.114	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 2 năm 2019	4,7% - 6,44%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	5.400.000.000	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 5 năm 2019	6.80%	Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số 11.16/DVKH-TGCKH của Công ty Vihem
TỔNG CỘNG	104.044.810.341			

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty	6.804.823.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	480.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	7.005.714.000	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn ngày 6 tháng 1 năm 2019	5% - 10,5%	Tin chấp

TỔNG CỘNG

14.290.537.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	916.160.914	10.668.139.193
TỔNG CỘNG	916.160.914	10.668.139.193
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	6.333.127.814	6.122.073.434
TỔNG CỘNG	6.333.127.814	6.122.073.434

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

21. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	7.674.358.780	5.821.898.653
Trích quỹ trong năm	2.580.592.905	6.472.171.621
Nhận quỹ khen thưởng phúc lợi từ công ty liên kết (*)	1.406.780.976	1.526.778.083
Sử dụng trong năm	<u>(7.223.261.706)</u>	<u>(6.146.489.577)</u>
Số cuối năm	<u>4.438.470.955</u>	<u>7.674.358.780</u>

(*) Theo thỏa thuận trong Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD ký ngày 23 tháng 6 năm 1994, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty sẽ nhận được 1% lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành			Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm	Lợi nhuận thuần trong năm	Trích quỹ đầu tư phát triển							
368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	4.830.224.674	-	187.920.935.086	15.584.710.457	574.899.053.562			
-	-	-	-	-	80.409.402.662	(81.187.815)	80.328.214.847			
-	-	-	3.095.802.127	-	(3.095.802.127)	-	-			
-	-	-	-	-	(6.481.065.854)	(96.105.767)	(6.577.171.621)			
-	-	-	-	-	(73.288.740.000)	(1.124.652.000)	(74.413.392.000)			
-	-	-	-	-	(2.502.116.910)	(5.247.243.090)	(7.749.360.000)			
-	-	-	-	-	(1.410.699.698)	(1)	(1.410.699.699)			
368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	-	181.551.913.159	9.035.521.784	565.076.645.089			
Năm nay										
368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	-	181.551.913.159	9.035.521.784	565.076.645.089			
-	-	-	-	-	91.523.458.092	2.612.737.917	94.136.196.009			
-	-	-	-	-	(54.966.555.000)	-	(54.966.555.000)			
-	-	-	-	-	(2.431.620.000)	-	(2.431.620.000)			
-	-	-	-	-	63.469.607	(9.063.469.607)	(9.000.000.000)			
-	-	-	-	-	4.508.916.616	40.672.769.523	45.181.686.138			
368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	215.740.665.857	43.257.559.617	637.996.352.236			

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	242.422.450.000	242.422.450.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	-	-	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đông khác	124.021.250.000	124.021.250.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.300.000	1.556.300.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
TỔNG CỘNG	368.000.000.000	368.000.000.000	-	368.000.000.000	368.000.000.000	-

22.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã công bố trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2017: 2.000 VND/cổ phiếu	-	73.288.740.000
Cổ tức cho năm 2018: 1.500 VND/cổ phiếu	54.966.555.000	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

-	-
---	---

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu phổ thông	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.675,53	57

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	544.175.954.452	542.734.192.912
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	216.731.762.737	418.062.538.232
Doanh thu bán hàng hóa	224.999.130.170	52.439.816.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	102.445.061.545	72.231.838.298
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.335.802.143)	(683.931.458)
Doanh thu thuần	542.840.152.309	542.050.261.454
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	367.931.450.923	475.072.946.252
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	174.908.701.386	66.977.315.202

(*) Bao gồm doanh thu từ cho thuê tài sản trong năm với số tiền là 4.137.500.000 VND.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.104.000.000	47.250.000.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.035.521.662	4.094.373.875
Lãi bán các khoản đầu tư	400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.928.292	74.989.530
TỔNG CỘNG	43.563.449.954	51.419.363.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	169.186.864.977	348.167.152.527
Giá vốn của hàng hóa đã bán	192.028.162.088	50.491.069.785
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	70.492.614.575	45.602.943.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.816.944.520)	1.155.293.232
TỔNG CỘNG	429.890.697.120	445.416.459.196

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư (*)	14.378.420.000	-
Chi phí lãi vay	8.722.304.234	5.556.082.505
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	289.359.018	586.996.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.948.730	68.830.108
TỔNG CỘNG	23.492.031.982	6.211.909.566

(*) Lỗ từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần GTNfoods.

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.171.994.126	675.029.078
Chi phí nhân công	6.309.625.566	3.911.393.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.195.286	217.111.320
Chi phí bảo hành	(9.540.923.899)	(1.869.987.247)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.541.609.847	5.137.233.961
Chi phí bán hàng khác	6.795.099.227	7.881.651.819
TỔNG CỘNG	10.518.600.153	15.952.432.851
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.575.482.911	1.614.790.904
Chi phí nhân công	18.235.017.212	16.651.749.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.246.183.552	1.265.158.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.663.943.394	4.790.104.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.497.368.228	12.526.895.935
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	2.242.613.601	(440.155.150)
TỔNG CỘNG	40.460.608.898	36.408.544.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.289.304.810	-
Hỗ trợ hành chính từ công ty liên kết	1.236.600.000	1.231.300.000
Thu nhập khác	1.049.522.453	163.678.104
	3.575.427.263	1.394.978.104
Chi phí khác		
Các khoản phạt	88.492.735	2.644.863.110
Chi phí khác	292.577.299	73.360.489
	381.070.034	2.718.223.599
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC	3.194.357.229	(1.323.245.495)

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.239.997.345	347.225.653.012
Chi phí nhân công	64.442.010.723	58.178.586.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.545.121.766	10.035.828.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.204.668.747	19.413.138.331
Chi phí khác	21.408.422.076	23.178.829.454
TỔNG CỘNG	270.840.220.657	458.032.036.153

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con khác là 20% thu nhập chịu thuế.

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được áp dụng thuế suất là 10% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.062.830.261	89.409.809.861
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con	20.412.566.053	17.917.227.981
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	-	528.972.622
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	-	35.266.010
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	(11.345.361.784)	(9.700.555.277)
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.547.501.595)	-
Chi phí không được khấu trừ khác	406.931.578	300.683.678
Chi phí thuế TNDN	<u>7.926.634.252</u>	<u>9.081.595.014</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty Vihem và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Vihem và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 6,5 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại Ngày 31 tháng 12 năm 2018
2015	2020	58.859.237.589	(52.458.124.032)	-	6.401.113.557
2017	2022	352.660.096	(220.660.095)	-	132.000.001
TỔNG CỘNG		<u>59.211.897.685</u>	<u>(52.678.784.127)</u>	<u>-</u>	<u>6.533.113.558</u>

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Công ty Vihem và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Vihem và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Thanh toán vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	36.363.367.500	48.484.490.000
		Mua vật tư, hàng hóa	20.435.350.452	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	82.363.627.074	4.918.826.000
		Cho thuê tài sản	4.137.500.000	-
		Mua vật tư, hàng hóa	63.072.326.708	13.808.330.844
		Bù trừ công nợ	20.126.898.840	-
		Mua dịch vụ	2.214.206.648	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Cùng Tập đoàn	Cho thuê tài sản	370.227.273	493.636.364
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Thanh toán vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	10.093.460.000	37.016.677.340
		Mua vật tư, hàng hóa	3.271.127.433	35.195.704.817
		Chi phí lãi vay	658.904.110	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	2.346.026.823	714.025.878
		Doanh thu bán hàng hóa	-	1.369.000.000
		Cho thuê tài sản	-	498.702.274
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	39.900.000.000	47.250.000.000
		Hỗ trợ hành chính	1.236.600.000	1.231.200.000
		Thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.397.666.134	1.136.198.083
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	74.400.919.761	22.106.600.060
		Mua vật tư, hàng hóa	2.010.321.640	12.209.563.478
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	449.924.364	573.873.164
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Lãi chứng khoán kinh doanh	522.500.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng hóa	2.567.109.669	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng hóa	525.933.245	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	55.271.215.205	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	41.427.251.617	30.598.631.202
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	32.776.152.574
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bán hàng hóa	-	6.505.794.146
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari 2	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bán hàng hóa	-	1.759.234.301
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.160.202.500
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	201.758.036
TỔNG CỘNG			96.698.466.822	73.001.772.759
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	906.500.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Lãi trái phiếu phải thu	522.500.000	-
TỔNG CỘNG			1.429.000.000	-
<i>Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Chứng khoán kinh doanh	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			15.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	16.008.733.100	6.568.379.400
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	5.607.284.506	-
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	417.224.674	-
Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	59.843.520	-
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	3.934.656	11.286.000
TỔNG CỘNG			22.097.020.456	6.579.665.400

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng thu nhập	4.290.574.330	3.856.176.225
TỔNG CỘNG	4.290.574.330	3.856.176.225

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	6.297.090.417	543.000.000
Từ 1 – 5 năm	14.288.247.951	-
Trên 5 năm	102.295.082	543.000.000
TỔNG CỘNG	20.687.633.450	1.086.000.000

Cam kết về thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Nhóm Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	6.507.255.324	4.150.232.496
Từ 1 – 5 năm	22.922.917.240	16.600.929.984
Trên 5 năm	92.163.398.776	96.296.575.522
TỔNG CỘNG	121.593.571.340	117.047.738.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	91.523.458.092	80.409.402.662
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.431.620.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	91.523.458.092	77.977.782.662
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.644.370	36.644.370
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.644.370	36.644.370
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>2.498</i>	<i>2.128</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>2.498</i>	<i>2.128</i>

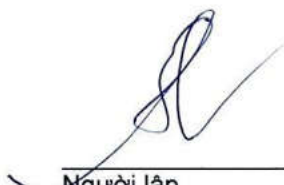
(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Người lập
Ngô Văn Hải



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh



Ngày 22 tháng 2 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

HEM

Số: 98/2019/CV-HEM
V/v: Giải trình biến động
Lợi nhuận sau thuế năm 2018
so với năm 2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM).
- Mã chứng khoán: HEM
- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 0437655510 Fax: 0437655509
- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong năm 2018:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty mẹ HEM ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng giảm 13,64% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do công tác đầu tư tài chính chưa hiệu quả, lợi nhuận và cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết giảm so với năm 2017.

- Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 17,19% so với năm 2017, do trong năm 2018 HEM đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM) với tỷ lệ sở hữu 65,37% vốn điều lệ VIHEM, theo đó Báo cáo tài chính Hợp nhất ghi nhận thêm lợi nhuận từ Công ty con này. Mặt khác Công ty liên kết hoạt động có hiệu quả trong năm 2018 đóng góp đáng kể vào kết quả sản xuất kinh doanh của HEM.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Yên